

Số: 378 /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030
tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng các khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND, ngày 01/02/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Long khóa IX, kỳ họp thứ 07 (bất thường) về việc thông qua Đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND, ngày 22/10/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 206/TTr-SXD, ngày 26/02/2018 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

I. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp bao gồm toàn tỉnh Vĩnh Long với tổng diện tích tự nhiên 1.525,7km², với 08 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và 06 huyện (Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân). Dân số năm 2016 là 1.048.633 người.

II. Mục tiêu

- Xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long phù hợp với định hướng tại Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trở thành vùng phát triển năng động, có cơ cấu kinh tế hợp lý, đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế của đất nước, góp phần quan trọng xây dựng cả vùng ĐBSCL giàu mạnh, các mặt văn hoá, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc phòng.

- Đến năm 2030, tỉnh Vĩnh Long cơ bản là tỉnh có dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp phát triển toàn diện. Đến năm 2050, tỉnh Vĩnh Long là trung tâm dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao phát triển cân bằng và bền vững.

III. Các dự báo phát triển vùng

Dự báo phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân:

• Giai đoạn 2016 - 2020: 6,5%/năm.

• Giai đoạn 2021 - 2025: 7,5%/năm.

• Giai đoạn 2026 - 2030: 7%/năm.

- GRDP bình quân đầu người: Năm 2020 đạt 2.300 USD; năm 2025 đạt 3.200 USD; năm 2030 đạt khoảng 4.000 USD.

- Dự báo cơ cấu kinh tế:

TT	Hạng mục	Cơ cấu (%)		
		HT 2016	ĐH 2020	ĐH 2030
1	Nông nghiệp - thủy sản	30,98	28	17,8
2	Công nghiệp - xây dựng	22,77	25,60	32,60
3	Thương mại - dịch vụ	46,25	46,40	49,60

- Dự báo dân số:

• Dự kiến đến năm 2020: dân số toàn vùng khoảng 1.100.000 - 1.122.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 220.000 - 280.500 người, tỷ lệ đô thị hóa là 20% - 25%.

• Dự kiến đến năm 2030: dân số toàn vùng khoảng 1.200.000 - 1.235.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 300.000 - 432.250 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 25% - 35%.

- Dự báo đất xây dựng đô thị:

• Đến năm 2020: khoảng 5.500 - 5.900 ha.

• Đến năm 2025: khoảng 6.500 - 7.500 ha.

• Đến năm 2030: khoảng 8.500 - 9.200 ha.

- Dự báo đất xây dựng công nghiệp:

• Đến năm 2020: khoảng 800ha - 1.000ha.

- Đến năm 2030: khoảng 1.100ha - 2.000ha.

IV. Tính chất vùng

- Đầu mối giao thông quan trọng của vùng ĐBSCL về đường bộ, đường thủy và đường sắt. Trung tâm kho vận của vùng ĐBSCL có vai trò như một bản lề của hai trục hành lang kinh tế đô thị vùng ĐBSCL - Hồ Chí Minh - Phnômpenh.

- Là trung tâm nông nghiệp chuyên canh về lúa và cây ăn trái, nông nghiệp công nghệ cao của vùng ĐBSCL.

- Là trung tâm công nghiệp đa ngành, công nghiệp phụ trợ và công nghiệp công nghệ cao của vùng.

- Là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học công nghệ sinh học của vùng ĐBSCL và Quốc gia.

- Trung tâm thương mại, du lịch sinh thái vùng sông nước, du lịch lịch sử văn hóa cấp vùng.

- Có vai trò quan trọng trong chiến lược an ninh quốc phòng của vùng ĐBSCL.

V. Định hướng phát triển không gian vùng

1. Định hướng không gian vùng

a) Cấu trúc lưu thông: Khung phát triển vùng tỉnh Vĩnh Long gồm các trục hành lang kinh tế đô thị như sau:

- Trục dọc:

- Trục hành lang Quốc lộ 1, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao nối trung tâm thành phố Hồ Chí Minh qua Vĩnh Long với Cần Thơ - trung tâm Vùng ĐBSCL.

- Trục dọc đường tỉnh 901: Nối từ đường tỉnh 902 đến đường tỉnh 907 và kết thúc tại Quốc lộ 54.

- Trục dọc đường tỉnh 909: Nối từ đường tỉnh 902 đến Quốc lộ 54.

- Trục ngang:

- Trục ngang Quốc lộ 80: Đi từ Quốc lộ 1, trung tâm thành phố Vĩnh Long đi tỉnh Kiên Giang.

- Trục ngang Quốc lộ 57: Nối từ Quốc lộ 1, vành đai thành phố Vĩnh Long đi tỉnh Bến Tre.

- Trục ngang Quốc lộ 53: Nối từ Quốc lộ 57, nối thành phố Vĩnh Long và chuỗi các đô thị: thị trấn Long Hồ, thị trấn Vũng Liêm.

- Trục ngang đường tỉnh 905: Đường tỉnh 905 nối từ Quốc lộ 1 đi huyện Tam Bình đến đường tỉnh 904.

- Trục ngang đường tỉnh 907: Nối từ Quốc lộ 54 và đi xã Hựu Thành đến đường tỉnh 906.

b) Định hướng không gian các vùng đô thị - công nghiệp tập trung

***Không gian vùng đô thị**

- Phát triển không gian đô thị vùng trung tâm bao gồm: Vùng đô thị thành phố Vĩnh Long, đô thị Long Hồ, đô thị Phú Quới là vùng đô thị động lực của toàn vùng, trong đó TP Vĩnh Long là đô thị trung tâm.

- Không gian vùng đô thị đối trọng phía Tây: Vùng đô thị Bình Minh, Trà Ôn, Tân Quới là vùng đô thị động lực phía Tây, trong đó Bình Minh là đô thị trung tâm.

- Không gian vùng đô thị hóa phía Đông: Vùng đô thị Vũng Liêm, Quới An, Cái Nhum, trong đó Vũng Liêm là đô thị trung tâm của tiểu vùng phía Đông.

****Không gian vùng công nghiệp tập trung***

- Vùng công nghiệp sạch đa ngành tập trung ở thành phố Vĩnh Long, huyện Long Hồ; với các ngành mũi nhọn: công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế tạo máy.

- Vùng công nghiệp cảng tập trung ở thị xã Bình Minh, huyện Bình Tân; với các ngành mũi nhọn: công nghiệp cảng, công nghiệp cơ khí sửa chữa, công nghiệp chế biến nông sản; thủy hải sản và dịch vụ kho vận cấp vùng.

- Vùng công nghiệp cảng tập trung ở Vũng Liêm, Mang Thít, Trà Ôn; với các ngành mũi nhọn: công nghiệp sinh học, cơ khí nông thôn, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, các vùng TTCN tập trung quy mô vừa và nhỏ gắn với các đô thị.

c) Định hướng không gian vùng cảnh quan, khu du lịch sinh thái

- Hệ thống sông Tiền, sông Hậu, sông Măng Thít, sông Cổ Chiên và các kênh rạch có vai trò phục vụ vận tải, cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đồng thời cũng tạo yếu tố bản sắc cho Vĩnh Long.

- Các vùng du lịch cảnh quan ven sông, kênh, rạch, vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, vùng trồng cây ăn trái miệt vườn, nuôi trồng thủy sản và các vùng du lịch sinh thái gắn liền với các cù lao được cấu trúc thành các vùng đặc trưng và đan xen giữa các vùng đô thị - công nghiệp, tạo sự phát triển cân bằng.

2. Phân bố các vùng chức năng

a) Phân vùng phát triển kinh tế

- Vùng I (Vùng trung tâm): Là vùng phát triển kinh tế động lực của tỉnh, bao gồm TP. Vĩnh Long và huyện Long Hồ và huyện Mang Thít; hạt nhân là đô thị TP. Vĩnh Long. Thế mạnh của vùng là phát triển đô thị, trung tâm công nghiệp; trung tâm giáo dục - đào tạo; trung tâm du lịch, giải trí chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc gia; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu và cây ăn trái.

- Vùng II (Vùng đối trọng phía Tây): Là vùng phát triển kinh tế động lực phía Tây của tỉnh, bao gồm thị xã Bình Minh, huyện Tam Bình và huyện Bình Tân; hạt nhân là đô thị Bình Minh. Thế mạnh của vùng là phát triển đô thị, công nghiệp tập trung (đa ngành, chuyên ngành, công nghiệp cảng và dịch vụ kho vận), thương mại, du lịch sinh thái và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Vùng III (Vùng đối trọng phía Đông): Là vùng phát triển kinh tế động lực phía Đông của tỉnh Vĩnh Long, bao gồm huyện Vũng Liêm và huyện Trà Ôn; hạt nhân là đô thị Vũng Liêm. Thế mạnh của vùng là phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao; phát triển thương mại cấp tiểu vùng, du lịch sinh thái, phát triển cụm công nghiệp công nghệ cao và cảng.

b) Phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

**** Định hướng phát triển hệ thống đô thị trong vùng***

- Dự báo đô thị:

+ Dự báo năm 2020: tập trung các nguồn lực thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 30/12/2016 của Tỉnh ủy Vĩnh Long "về nâng cấp, phát triển thành phố Vĩnh Long đạt đô thị loại II và thị xã Bình Minh đạt đô thị loại III vào năm 2020"; thành lập thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân; Nâng cấp 4 xã của thành phố Vĩnh Long lên phường (Tân Hòa, Tân Hội, Trường An, Tân Ngãi). Đến năm 2020 có 8 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại II là thành phố Vĩnh Long; 1 đô thị loại III là thị xã Bình Minh; và 6 đô thị loại V gồm: thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm, thị trấn Long Hồ, thị trấn Tam Bình, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tân Quới.

+ Dự báo năm 2030: Ưu tiên tập trung nâng cấp 2 đô thị lên đô thị loại IV (thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm) vào năm 2025 và thành lập 3 đô thị mới là đô thị loại V (Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành) vào năm 2030. Đến năm 2030 có 11 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại II là thành phố Vĩnh Long; 1 đô thị loại III là thị xã Bình Minh; 2 đô thị loại IV gồm: thị trấn Trà Ôn, thị trấn Vũng Liêm và 7 đô thị loại V gồm: thị trấn Long Hồ, thị trấn Cái Nhum, thị trấn Tam Bình, thị trấn Tân Quới, Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành.

- Hệ thống các đô thị thành lập mới:

+ Giai đoạn 2016 - 2020: thành lập thị trấn Tân Quới - huyện Bình Tân, nâng cấp 4 xã của thành phố Vĩnh Long lên phường (Tân Hòa, Tân Hội, Trường An, Tân Ngãi)

+ Giai đoạn 2020 - 2030: Thành lập 3 đô thị mới là đô thị loại V (Phú Quới, Cái Ngang, Hựu Thành):

**** Định hướng phát triển hệ thống dân cư nông thôn:*** Các hình thái, mô hình phân bố dân cư nông thôn:

- Hình thái dân cư nông thôn của tỉnh chủ yếu là theo tuyến - cụm dân cư trong khu vực chuyên lúa, gắn kết các hình thái dân cư này với mô hình du lịch cộng đồng; Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, để đảm bảo tiện nghi về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cần và hình thành các vùng chuyên canh lớn cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

- Tổ chức dân cư dân theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và điểm dân cư tập trung. Đưa dân định cư phân tán rải rác trong nội đồng, trên các tuyến kênh rạch vùng sâu vào các điểm dân cư tập trung; Quy hoạch, cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt giao thông, cấp nước, cấp điện theo xu hướng tiếp cận nếp sống đô thị; Hình thành các tuyến dân cư nông thôn theo các trục hành lang chính kết nối với các đô thị nhằm khai thác hạ tầng sẵn có.

c) Phân bố các vùng công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

- Vùng CN trung tâm vùng (thành phố Vĩnh Long - huyện Long Hồ);

- Vùng CN tập trung vùng phía Đông Bắc (huyện Vũng Liêm - huyện Mang Thít);

- Vùng CN tập trung vùng phía Tây Nam (thị xã Bình Minh - huyện Bình Tân);

- Vùng CN tập trung vùng phía Nam (huyện Trà Ôn)

d) Phân bố các vùng du lịch

- Tập trung đầu tư phát triển vào một số loại hình du lịch sau: Du lịch vui chơi giải trí, ẩm thực; Du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa: các di tích, khu tưởng niệm,...; Du lịch cộng đồng: Thăm các nhà vườn, trang trại, làng nghề, nhà ở và sinh hoạt của nông dân; Du lịch sinh thái: Khu vực sông nước và các bãi bồi trên sông Tiền, sông Hậu, sông Măng Thít; Du lịch tâm linh, lễ hội, Du lịch nghỉ dưỡng.

- Hình thành 6 cụm du lịch chính như sau: Cụm du lịch trung tâm thành phố Vĩnh Long, Cụm du lịch các xã cù lao An Bình, Cụm du lịch Vũng Liêm, Cụm du lịch Bình Minh, Cụm du lịch Trà Ôn, Cụm du lịch Tam Bình.

đ) Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản

*** Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long được phân chia thành 4 vùng như sau**

- Vùng 1: Vùng ven sông Tiền, chia thành 4 tiểu vùng, gồm: toàn bộ TP. Vĩnh Long, một phần huyện Long Hồ (các xã: Long Phước, Phước Hậu, Tân Hạnh, Thanh Đức, thị trấn Long Hồ và các xã cù lao: Bình Hòa Phước, Hòa Ninh, Đồng Phú, An Bình), một phần huyện Mang Thít (các xã: Long Mỹ, Mỹ An, Mỹ Phước, Chánh An, thị trấn Cái Nhum) và 2 xã cù lao thuộc huyện Vũng Liêm (Thanh Bình, Quới Thiện). Định hướng phát triển: Phát triển vùng cây ăn quả ven sông phục vụ du lịch sinh thái và vùng nguyên liệu tập trung một số loại cây ăn quả; Mở rộng diện tích luân canh lúa - rau màu, phát triển vùng sản xuất rau màu tập trung; Phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị. Đây là vùng chịu ảnh hưởng của lũ, cần tăng cường các biện pháp thủy lợi nội đồng, đặc biệt giải quyết việc chống lũ tích cực cho vùng trồng lúa đặc sản xuất khẩu.

- Vùng 2: Vùng trung tâm, chia thành 2 tiểu vùng, gồm: toàn bộ huyện Tam Bình và một phần huyện Long Hồ (các xã: Lộc Hòa, Thạnh Quới, Phú Quới, Hòa Phú, Phú Đức, Long An), một phần huyện Mang Thít (các xã: Hòa Tịnh, Nhơn Phú, Bình Phước, Chánh Hội, Tân An Hội, Tân Long Hội, Tân Long). Định hướng phát triển: Vùng cam sành Tam Bình, vùng lúa 2 - 3 vụ chất lượng cao.

- Vùng 3: Vùng nam sông Măng Thít, chia thành 3 tiểu vùng, gồm: huyện Trà Ôn (trừ 2 xã cù lao) và huyện Vũng Liêm (trừ 2 xã cù lao). Định hướng phát triển: Vùng lúa thơm đặc sản, lúa chất lượng cao, phát triển các mô hình trồng cây ăn quả trên diện tích trồng lúa kém hiệu quả, mở rộng diện tích luân canh lúa - rau màu, ưu tiên các loại cây trồng có khả năng chịu mặn khá.

- Vùng 4: Vùng ven sông Hậu, chia thành 3 tiểu vùng, gồm: toàn bộ huyện Bình Tân, thị xã Bình Minh và 2 xã cù lao huyện Trà Ôn (Phú Thành, Lục Sỹ Thành). Định hướng phát triển: Phát triển vùng sản xuất nguyên liệu khoai lang và rau màu các loại, vùng tập trung bưởi Năm Roi, vườn cây ăn quả phục vụ du lịch sinh thái.

e) Phân bố hệ thống hạ tầng xã hội và dịch vụ

- Phân bố hệ thống giáo dục - đào tạo vùng:

+ Giáo dục mầm non: Từng bước chuẩn hóa các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với từng địa phương và cơ sở giáo dục.

+ Giáo dục phổ thông: Tăng cường cơ sở vật chất, huy động các nguồn lực tài chính, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Phần đầu đến năm 2020 có 55% trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2030 có 80% trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Tiếp tục thực hiện mở rộng quy mô, đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo. Điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hình thức tổ chức liên thông giữa các cấp bậc, trình độ đào tạo, ngành nghề đào tạo. Đến năm 2020 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp THCS; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50% vào năm 2020 và đạt 75% vào năm 2030, tỷ lệ sinh viên tất cả các hệ đào tạo khoảng 250 - 300 sinh viên trên 1 vạn dân.

+ Giáo dục thường xuyên: Triển khai thực hiện đề án Xây dựng Xã hội học tập, đề án xóa mù chữ giai đoạn 2012-2020 đã được UBND tỉnh ban hành. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, đầu tư kinh phí, chế độ phụ cấp theo quy định nhà nước đối với Trung tâm học tập cộng đồng.

- Phân bố hệ thống y tế vùng

+ *Tuyến tỉnh:*

- Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long lên 800 giường (năm 2020), lên 1200 giường (năm 2030); Bệnh viện đa khoa Quân dân Y lên 50 giường (năm 2020); Bệnh viện Mắt lên 100 giường (năm 2020).

- Xây mới bệnh viện chuyên khoa: Sản - Nhi 100 giường (năm 2020) và 200 giường (năm 2030); Điều dưỡng - Phục hồi chức năng 50 giường (năm 2020) và 150 giường (năm 2030); Y dược Cổ truyền 150 giường (năm 2020) và 200 giường (năm 2030).

- Bệnh viện ngoài công lập: Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa Triều An Loan Trâm Vĩnh Long quy mô 500 giường; Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa Xuyên Á Vĩnh Long quy mô 200 giường.

+ *Tuyến huyện:*

- Xây mới bệnh viện đa khoa khu vực Hòa Phú - Long Hồ 50 giường.

- Xây dựng và nâng cấp 6 bệnh viện huyện: BVĐK huyện Long Hồ 200 giường (năm 2030), BVĐK huyện Mang Thít 100 giường (năm 2020) và 150 giường (năm 2030), BVĐK thị xã Bình Minh 100 giường (năm 2020) và 200 giường (năm 2030), BVĐK huyện Vũng Liêm 100 giường (năm 2020) và 150 giường (2030), BVĐK huyện Trà Ôn 150 giường (năm 2020) và 200 giường (năm 2030), BVĐK huyện Bình Tân 100 giường (năm 2020) và 200 giường (năm 2030).

- Phân bố hệ thống văn hóa, nghệ thuật, TDTT vùng

+ Thành phố Vĩnh Long là trung tâm văn hóa TDTT cấp vùng, cấp tỉnh:

- Xây dựng mới thư viện tỉnh Vĩnh Long, Trường Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa tại TP. Vĩnh Long.

- Cải tạo nâng cấp các công trình TDTT hiện hữu: Sân vận động đạt tiêu chuẩn thi đấu bóng đá cấp quốc gia, xây dựng Khu liên hợp TDTT có hệ thống sân tennis, nhà thi đấu đa năng tại TP. Vĩnh Long.

+ Đầu tư nâng cấp các trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, TDTT, thư viện cấp thành phố/huyện/thị tại TP. Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và các huyện.

+ Trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh; khai thác tôn tạo, bảo tồn các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Phân bố hệ thống dịch vụ thương mại:

- + Hình thành các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng và tiểu vùng tại các đô thị TP. Vĩnh Long, thị xã Bình Minh và thị trấn Vũng Liêm.
- + Phát triển các dịch vụ tại các khu công nghiệp, cảng Bình Minh.
- + Tổ chức hệ thống các siêu thị ở các trung tâm đô thị, các khu công nghiệp, du lịch.
- + Củng cố mạng lưới trung tâm thương mại, chợ tại các đô thị của các huyện; hoàn chỉnh hệ thống chợ nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa tạo điều kiện phát triển giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hóa của nông dân.

VI. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Cao độ khống chế nền xây dựng của các đô thị phải đảm bảo đô thị không bị ngập lụt, không bị ảnh hưởng của lũ, đồng thời vẫn giữ được cảnh quan thiên nhiên, tránh đào đắp nhiều và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị. Cao độ khống chế xây dựng $\geq +2.5m$ theo hệ VN2000.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn tại các khu vực có địa hình thấp thường xuyên bị ngập lũ cần phải tôn nền vượt lũ kết hợp đê bao. Đối với khu vực có địa hình cao không bị ngập lụt chỉ san đắp tạo hướng dốc thoát nước, cân bằng đào đắp tại chỗ.

2. Thoát nước mưa

- Đối với đô thị

+ Đô thị loại 2 sẽ lấy chỉ tiêu là 100% đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa. Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 70\%$ đường chính có hệ thống thoát nước mưa.

+ Đô thị loại 3 chỉ tiêu $\geq 70\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa. Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 50\%$ đường giao thông chính có hệ thống thoát nước mưa.

+ Đô thị loại 4, 5 chỉ tiêu $\geq 60\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa. Ngoại thị chỉ tiêu $\geq 50\%$ đường giao thông chính có hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn

+ Cho phép xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải sinh hoạt) bằng cống, mương nắp đan hoặc mương hở xả ra sông rạch (nước thải sinh hoạt trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại). Nước thải của các khu vực chuồng trại chăn nuôi tập trung phải thoát riêng và được xử lý trước khi xả ra môi trường.

+ Tăng cường nạo vét hồ ao, kênh, rạch để tăng khả năng tiêu thoát nước.

3. Giao thông

a) Giao thông đường bộ:

*** Giao thông đối ngoại:**

- Đường cao tốc: Đường Cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ dài khoảng 25km trong đó đoạn qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long dài khoảng 13,6km, được quy hoạch xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, quy mô 6 làn xe.

- Quốc lộ 1: Đoạn qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long dài khoảng 30km. Phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn tuyến 79m.

- Quốc lộ 53: Đoạn qua địa bàn tỉnh dài khoảng 40km quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng. Phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn tuyến

56m. Cải tạo nâng cấp QL.53 đoạn Long Hồ - Ba Si và tuyến tránh qua thị trấn Vũng Liêm về bên phải QL.53 hiện nay.

- Quốc lộ 54: Đoạn qua địa bàn tỉnh dài khoảng 50km quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn tuyến 50m. Nâng cấp 2 đoạn QL.54 qua trung tâm thị xã Bình Minh và trung tâm xã Tân Quới, huyện Bình Tân theo quy hoạch đô thị.

- Quốc lộ 57: Đoạn qua địa bàn tỉnh khoảng 8km quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn tuyến 48m.

- Quốc lộ 80: Đoạn chạy qua địa bàn tỉnh dài khoảng 4km, tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, phạm vi đất dành cho đường bộ và hành lang an toàn tuyến 55m.

* **Giao thông tỉnh:** Nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, đường huyện hiện có, xây dựng mới các tuyến đường, kết nối chặt chẽ trung tâm các huyện, thị xã và thành phố theo Quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, và Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã được phê duyệt.

b) Đường sắt: Tuyến đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ sẽ đi qua 5 tỉnh thành gồm TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, với tổng chiều dài 191km, vận tốc thiết kế 200 km/h, điểm đầu đặt tại TP. Hồ Chí Minh và điểm cuối tại Cái Răng - Cần Thơ.

c) Giao thông đường thủy:

- Nạo vét bảo dưỡng thường xuyên luồng tàu chạy, duy trì mực nước tỉnh không thông thuyền, nâng cấp các tuyến sông, kênh chính trên địa bàn tỉnh để nâng cao khả năng khai thác vận tải liên hoàn giữa các tỉnh, thành trong khu vực và kết nối với các tuyến đường thủy quốc gia.

- Trang bị phao tín hiệu, cải thiện chất lượng dịch vụ, hệ thống hậu cần, mang lại hiệu quả cao trong vận tải thủy.

- Hệ thống cảng:

+ Cảng Vĩnh Long mới khai thác khoảng 50% năng lực, do đó cần tiếp tục khai thác thêm nguồn hàng và tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời gian tới, liên kết hoạt động với Cảng An Phước để phát huy tối đa hiệu quả.

+ Cảng Bình Minh quy hoạch đến năm 2020 là cảng tổng hợp khả năng tiếp nhận tàu 10.000 tấn, công suất 0,47 - 0,75 triệu tấn/năm. Đến năm 2030 công suất từ 0,7-0,95 triệu tấn/năm.

d) Giao thông công cộng và công trình phục vụ giao thông

- Tổ chức các tuyến xe buýt liên tỉnh Cần Thơ, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang.

- Tổ chức các tuyến xe buýt nội tỉnh từ TP. Vĩnh Long đi tới các trung tâm huyện trên các trục đường chính.

- Xây dựng bến xe mới theo quy hoạch như Bến xe khách tỉnh, Bến xe Tam Bình, Bình Minh, Bình Tân, Long Hồ, Vũng Liêm, Trà Ôn; cải tạo nâng cấp các điểm đỗ, đón, trả khách.

- Xây dựng mới 2 bãi đậu xe trong TP. Vĩnh Long gồm: bãi đậu xe ở phường 1 (ngang với bến xe TP. Vĩnh Long) và bãi đậu xe ở phường 8 (theo quy hoạch phân khu phường 8).

4. Cấp nước

a) Nhu cầu dùng nước

- + Nhu cầu nước giai đoạn 2020: Từ 131.600 - 176.600 m³/ngđ.
- + Nhu cầu nước giai đoạn 2030: Từ 224.300 - 233.200 m³/ngđ.
- + Dân cư đô thị: tỷ lệ dân số cấp nước giai đoạn 2020 là 98%, giai đoạn 2030 là 100%.
- + Dân cư nông thôn: tỷ lệ dân số cấp nước giai đoạn 2020 là 85%, giai đoạn 2030 là 95%

b) Giải pháp cấp nước

- Nguồn nước thô khai thác phục vụ cho các nhà máy nước lớn tập trung của tỉnh sẽ được khai thác từ nguồn nước mặt sông Tiền và sông Hậu vị trí trên biên mặn theo kịch bản biến đổi khí hậu tới năm 2050.

- Đến năm 2030 toàn tỉnh chú trọng đầu tư xây dựng mở rộng 02 nhà máy nước lớn một trên sông Tiền và một trên sông Hậu gồm:

- Nhà máy nước Trường An trên sông Tiền nâng cấp từ công suất hiện tại từ 20.000m³/ngày lên 50.000m³/ngày vào năm 2020, nâng lên 110.000m³/ngày vào năm 2030.

- Nhà máy nước Bình Minh trên sông Hậu nâng cấp từ công suất hiện tại từ 10.000m³/ngày lên 50.000m³/ngày vào năm 2020 và nâng lên 90.000m³/ngày vào năm 2030.

- Ngoài ra từ nay đến năm 2020 sẽ nâng công suất hiện hữu nhà máy nước Hưng Đạo Vương từ 18.000m³/ngày lên 24.000m³/ngày.

- Đối với khu vực nông thôn sẽ chỉ tập trung phát triển mạng lưới phân phối và tiếp nhận nguồn nước từ các nhà máy nước chính từ các nhà máy nước theo quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Vĩnh Long của khu vực, không triển khai xây dựng mới trạm cấp nước nông thôn nữa, nhằm đảm bảo người dân được cấp nước liên tục và chất lượng nước được đảm bảo.

- Tổng công suất các nhà máy nước đến năm 2030 và sau năm 2030 là 229.800m³/ngày, cơ bản sẽ đáp ứng được nhu cầu dùng nước theo dự báo phát triển của tỉnh Vĩnh Long.

5. Cấp điện

- Nhu cầu sử dụng điện: Tổng công suất điện yêu cầu toàn tỉnh đến năm 2020 là 680,41 MW, năm 2030 là 822,39 MW.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho tỉnh Vĩnh Long chủ yếu từ nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến, trạm 220kV, 110kV. Giai đoạn 2011-2020 (có xét đến 2030) sẽ xây dựng nhà máy nhiệt điện Sông Hậu công suất 2x6000 MW nhà máy sẽ đấu nối vào hệ thống quốc gia bằng cáp điện áp 500kV

- Lưới điện: Xây dựng đường dây 220kV 4 mạch dài 0,5km đấu chuyển tiếp trên đường dây Trà Vinh - Vĩnh Long 2. Trạm 220kV Vĩnh Long 3 có quy mô 2x250MVA, trước mắt lắp 1 máy 250MVA; Giai đoạn 2021-2025, tổng công suất các trạm 220kV là 750MVA, đáp ứng nguồn cấp cho lưới điện 110kV toàn tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra lưới điện tỉnh Vĩnh Long có liên kết chặt chẽ với lưới điện các tỉnh Đồng Tháp, Bến Tre và Trà Vinh.

6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Đối với TP. Vĩnh Long và các đô thị đang sử dụng hệ thống công chung: Xây dựng hệ thống thoát nước chung một nửa (có cống bao tách nước thải và trạm xử lý nước thải), xây dựng các hồ ga tách dòng để thu gom nước thải về khu xử lý nước thải;

- Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng) có trạm xử lý cho các khu vực xây dựng mới; Nước thải sinh hoạt tại các thành phố, thị xã, thị trấn phải được xử lý đạt chuẩn về môi trường theo quy định trước khi xả ra nguồn; Nước thải từ các khu vệ sinh trong các khu dân cư, các công trình công cộng nhất thiết phải được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại và phải được thu gom bằng đường cống riêng hoặc cống bao thoát ra hệ thống cống của đô thị.

- Nước thải sinh hoạt tại các thị trấn, cụm dân cư tập trung quy mô nhỏ sẽ được xử lý bằng phương pháp tự làm sạch tại các hồ sinh học;

- Nước thải các bệnh viện, trung tâm y tế cần phải được xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế và khử trùng trước khi xả ra sông rạch hoặc vào hệ thống cống của đô thị.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng (nước mưa riêng), xây dựng trạm xử lý nước thải cho các khu công nghiệp tập trung trong từng dự án, nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các cụm, điểm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước thải). Xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên; Các cụm dân cư sống phân tán: vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước hợp vệ sinh.

b) Chất thải rắn (CTR)

- Khu liên hợp xử lý CTR Hòa Phú huyện Long Hồ (tại xã Hoà Phú) hiện trạng 12,4ha, quy hoạch mở rộng và nâng cấp: Quy mô 40-50 ha, xử lý CTR cho TP. Vĩnh Long, Long Hồ, Tam Bình, Mang Thít, CTR y tế thành phố Vĩnh Long, Long Hồ, CTR công nghiệp nguy hại toàn tỉnh.

- Khu xử lý CTR Huyện Vũng Liêm (tại xã Trung Hiệp) hiện trạng 1,2ha, quy hoạch mở rộng: Quy mô 4-8 ha, phục vụ cho các huyện Vũng Liêm, Mang Thít; Công nghệ: chủ yếu là chôn lấp hợp vệ sinh và chế biến phân vi sinh.

- Khu xử lý CTR Huyện Trà Ôn (tại xã Thiện Mỹ) hiện trạng 2,78ha, quy hoạch mở rộng: Quy mô 4-8 ha, phục vụ cho các huyện Trà Ôn, Bình Minh, Bình Tân.

- Khu xử lý CTR Huyện Bình Tân (tại xã Thành Trung) quy hoạch mới; Quy mô 10-15 ha, phục vụ cho các huyện Tam Bình, Bình Minh, Bình Tân.

c) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang cấp vùng: tại TP. Vĩnh Long có quy mô 30ha, phục vụ chủ yếu cho đô thị Vĩnh Long, Long Hồ và các đô thị xung quanh.

- Nghĩa trang nhân dân cấp vùng (liên đô thị):

+ Khu vực huyện Mang Thít có quy mô 10 ha, phục vụ cho các đô thị Cái Nhum, Mỹ An.

+ Khu vực huyện Vũng Liêm có quy mô đất xây dựng 10 ha, phục vụ cho các đô

thị Vũng Liêm, Tân An Luông, Quới An.

+ Khu vực huyện Tam Bình có quy mô 20 ha, phục vụ cho đô thị Tam Bình, Trà Ôn.

+ Khu vực huyện Bình Tân có quy mô 20ha, phục vụ cho đô thị Bình Minh, Tân Quới.

VII. Định hướng bảo vệ môi trường:

- Về các giải pháp kỹ thuật để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu (BĐKH):

+ Triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Cần thực hiện đúng các quan điểm quy hoạch dành nhiều diện tích cho cây xanh và mặt nước giúp tăng khả năng thoát nước của các đô thị, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu.

- Các giải pháp kỹ thuật ưu tiên để bảo vệ môi trường:

+ Đối với các khu quy hoạch xử lý chất thải, ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ xử lý tiên tiến, có thể phân loại, tái chế rác, composting rác hữu cơ, lò đốt chất thải nguy hại, chỉ chôn lấp những phần rác còn lại không thể xử lý. Hạn chế tỷ lệ chôn lấp < 15%. Bãi chôn lấp phải đạt tiêu chuẩn quy định về vệ sinh môi trường, có hệ thống thu gom xử lý nước rỉ rác đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường quy định. Lò đốt rác phải có hệ thống xử lý khí thải, chế độ vận hành phải đảm bảo môi trường theo quy định.

+ Các khu công nghiệp và khu đô thị phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Bắt buộc các khu công nghiệp phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung.

+ Kiểm soát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường của các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên diện rộng.

VIII. Nguồn lực thực hiện

- Nguồn vốn đầu tư từ Trung ương.

- Các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Phát huy tối đa nội lực của địa phương, khuyến khích nguồn vốn đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao,...

- Khai thác tốt hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu, đẩy mạnh khai thác quỹ đất, tài sản công, tài nguyên của địa phương để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp đặc điểm của tỉnh và môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia vào quá trình xây dựng phát triển tỉnh theo định hướng quy hoạch.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút đội ngũ quản lý, khoa học - kỹ thuật, công nghệ, lao động chất lượng cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Giám đốc các sở, ngành liên quan tổ chức công bố, kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện quy hoạch được duyệt theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Vĩnh Long phối hợp với Giám đốc Sở Xây dựng lập trình tự thủ tục triển khai quy hoạch vùng tại địa phương theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Vĩnh Long, Thủ trưởng các Tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và ban hành. / *ly*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- BLĐ. VPUBND tỉnh;
- Phòng KTN;
- Lưu: VT, 1.04.05.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tự